

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI -  
DỊCH VỤ BẢO TRÂN CPP**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BẢO TRÂN CPP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO TRAN CPP COMPANY LIMITED  
TRADE - SERVICES

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH MTV TM - DV BAO TRÂN CPP

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1900613882

**3. Ngày thành lập:** 10/10/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 326/15, Đường Võ Thị Sáu, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

Điện thoại: 0949.19.79.56 - 0979.811.100 Fax:

Email: vobaotran9@gmail.com Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592     |
| 2.  | In ấn                                                                                                                                                                   | 1811     |
| 3.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                | 1812     |
| 4.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                               | 1820     |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663     |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669     |
| 7.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719     |
| 8.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721     |
| 9.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722     |
| 10. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741     |
| 11. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742     |
| 12. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752     |
| 13. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753     |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 15. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761     |
| 16. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762     |

|     |                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh       | 4763        |
| 18. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                         | 4764        |
| 19. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771        |
| 20. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                 | 5610        |
| 21. | Dịch vụ ăn uống khác                                                             | 5629        |
| 22. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                          | 5630        |
| 23. | Lập trình máy vi tính                                                            | 6201        |
| 24. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                              | 6202        |
| 25. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                               | 6311        |
| 26. | Cổng thông tin                                                                   | 6312        |
| 27. | Hoạt động thông tấn                                                              | 6321        |
| 28. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                    | 6329        |
| 29. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                           | 3311        |
| 30. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                       | 3312        |
| 31. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                           | 3313        |
| 32. | Sửa chữa thiết bị điện                                                           | 3314        |
| 33. | Sửa chữa thiết bị khác                                                           | 3319        |
| 34. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                          | 3320(Chính) |
| 35. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                        | 4210        |
| 36. | Xây dựng công trình công ích                                                     | 4220        |
| 37. | Phá dỡ                                                                           | 4311        |
| 38. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                | 4312        |
| 39. | Lắp đặt hệ thống điện                                                            | 4321        |
| 40. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                  | 4322        |
| 41. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                   | 4329        |
| 42. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                   | 4330        |
| 43. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                              | 4390        |
| 44. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                        | 4610        |
| 45. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống           | 4620        |
| 46. | Bán buôn gạo                                                                     | 4631        |
| 47. | Bán buôn thực phẩm                                                               | 4632        |
| 48. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                             | 4641        |
| 49. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                               | 4649        |
| 50. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                              | 4651        |
| 51. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                               | 4652        |
| 52. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                  | 4659        |

|     |                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------|
| 53. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                         | 4773 |
| 54. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                   | 4774 |
| 55. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ | 4781 |
| 56. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                       | 4789 |
| 57. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                          | 4791 |
| 58. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                     | 4799 |
| 59. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                        | 8230 |
| 60. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                        | 9511 |
| 61. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                       | 9512 |
| 62. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                     | 9521 |
| 63. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                              | 9522 |
| 64. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                            | 9524 |
| 65. | Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                        | 9529 |
| 66. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                   | 7010 |
| 67. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                         | 7020 |
| 68. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                              | 7110 |
| 69. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                   | 7120 |
| 70. | Quảng cáo                                                                        | 7310 |
| 71. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                   | 7410 |
| 72. | Hoạt động nhiếp ảnh                                                              | 7420 |
| 73. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu          | 7490 |
| 74. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                              | 7730 |
| 75. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                 | 8020 |
| 76. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác         | 8219 |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: **VÕ BẢO TRÂN**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *02/01/1991*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *301350876*

Ngày cấp: *25/04/2006*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Long An*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ấp 1, Xã Long Thạnh, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 326/15, Đường Võ Thị Sáu, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam*

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VÕ BẢO TRÂN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch công ty*

Sinh ngày: *02/01/1991*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *301350876*

Ngày cấp: *25/04/2006*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Long An*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ấp 1, Xã Long Thạnh, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 326/15, Đường Võ Thị Sáu, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bạc Liêu**